ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CẨM GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1806 /QĐ-UBND	*Cẩm Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung được HĐND xã Cẩm Giang quyết định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 26/2026/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công xã Cẩm Giang năm 2026 (Lần 3);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 237/TTr-KT ngày 26 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung đã được HĐND xã phê duyệt.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế và các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CẨM GIANG T.P HẢI PHÒNG

Vương Đức Dũng

UBND XÃ CẨM GIANG

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**221.486.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**221.486.000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	3.265.000	I. Chi đầu tư phát triển	14.560.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	31.728.000	II. Chi thường xuyên	197.742.000
III. Thu bổ sung	186.493.000	III. Dự phòng	4.214.000
- Bổ sung cân đối	185.413.000	IV. TK 10% tạo nguồn CCTL	4.970.000
- Bổ sung có mục tiêu	1.080.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

UBND XÃ CẨM GIANG

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[(1)] NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**0**	**0**	**0**	**0**	**8.560.000**	**0**	**14.560.000**	**0**
I. Công trình chuyển tiếp		**0**	**0**	**0**	**0**	**8.560.000**	**0**	**8.560.000**	**0**
1. Đường giao thông		0,0	0,0	0,0	0,0	**1.175.818**	0,0	1.175.818	0,0
2. Trường học		0	0	0	0	**199.090**	0	199.090	0
3. Trạm y tế						**0**			
4. Trụ sở, hội trường UBND xã						**7.028.293**		7.028.293	
5. Nhà văn hoá						**0**			
6. Nghĩa trang						**108.989**		108.989	
7. Chợ						**0**			
8. Sân thể thao						**13.794**		13.794	
9. Bãi rác tập trung						**0**			
10. Công trình thủy lợi		0,0	0,0	0,0	0,0	**34.017**	0,0	34.017	0,0
11. Các công trình khác						**0**			
II. Công trình mới		**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**6.000.000**	**0**
1. Đường giao thông		0,0	0,0	0,0	0,0	**6.000.000**	0,0	6.000.000	0,0
2. Trường học		0	0	0	0	**0**	0		0
3. Trạm y tế						**0**			

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
4. Trụ sở, hội trường UBND xã						0			
5. Nhà văn hoá						0			
6. Nghĩa trang						0			
7. Chợ						0			
8. Sân thể thao						0			
9. Bãi rác tập trung						0			
10. Công trình thủy lợi		0,0	0,0	0,0	0,0	0	0,0		0,0
11. Các công trình khác						0			

UBND XÃ CẨM GIANG **Biểu số 109/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU	**259.078.000**	**221.486.000**
I	**Các khoản thu 100%**	**3.265.000**	**3.265.000**
	Phí, lệ phí	150.000	150.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.265.000	1.265.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	250.000	250.000
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100.000	100.000
	Thu khác	1.500.000	1.500.000
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**69.320.000**	**31.728.000**
1	*Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định*	*69.320.000*	*31.728.000*
	Thu tiền SD đất	36.400.000	14.560.000
	Thuế giá trị gia tăng		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	8.000.000	4.000.000
	Tiền cho thuê đất	520.000	208.000
	Thu khác	400.000	
	Thuế thu nhập cá nhân		
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	24.000.000	12.960.000
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**186.493.000**	**186.493.000**
	- Thu bổ sung cân đối	185.413.000	185.413.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.080.000	1.080.000

UBND XÃ CẨM GIANG **Biểu số 110/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**221.486.000**	**14.560.000**	**206.926.000**
1	Chi giáo dục	**105.650.090**	199.090	105.451.000
2	Chi Giao thông	**7.175.818**	7.175.818	
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	**357.000**		357.000
4	Chi y tế	**4.541.000**		4.541.000
5	Chi văn hóa, thông tin	**1.456.000**		1.456.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	**297.000**		297.000
7	Chi thể dục thể thao	**368.794**	13.794	355.000
8	Chi bảo vệ môi trường	**1.172.000**		1.172.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	**14.502.017**	34.017	14.468.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	**43.029.293**	7.028.293	36.001.000
11	Chi cho công tác xã hội	**32.743.989**	108.989	32.635.000
12	Chi khác	**1.009.000**		1.009.000
13	Dự phòng ngân sách	**4.214.000**		4.214.000
14	TK 10% tạo nguồn CCTL	**4.970.000**		4.970.000

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG (LẦN 3)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch nguồn năm 2026 đã phê duyệt theo NQ 21/NQ-HĐND	Tăng, giảm	Kế hoạch đầu tư công 2026 sau điều chỉnh				Ghi chú
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			
									Ngân sách cấp trên BSMT cho xã	Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết trong năm	Nguồn chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	
	TỔNG CỘNG			**190.673.057,891**	**108.491.958,684**	**38.394.328,50**	**6.560.000,00**	**44.954.328,50**	**30.123.514,00**	**14.560.000,00**	**270.814,50**	-
I	**Danh mục dự án đã hoàn thành trước năm 2026**			**145.300.715,89**	**108.491.958,68**	**18.934.497,40**	**7.650.785,10**	**26.585.282,50**	**17.754.468,00**	**8.560.000,00**	**270.814,50**	-
1	Các công trình phụ trợ trường mầm non Cẩm Định	2019-2020	Số 38a, 28/10/2019	1.049.648,000	682.000,000	317.000,00	0,00	317.000,00	317.000,00			
2	Nhà lớp học 3T9P trường Tiểu học Định Sơn	2020	Số 101b/QĐ - UBND, 21/10/2020	5.843.268,000	5.341.819,000	420.468,00	0,00	420.468,00	420.468,00			
3	Nâng cấp tuyến đường trục xã từ cống am thôn Phú Quân đến thôn An Tân và thôn Đức Trạch	2020	Số 128/QĐ - UBND ngày 21/12/2020	13.915.437,000	10.380.200,000	3.447.000,00	0,00	3.447.000,00	3.447.000,00			
4	Trụ sở làm việc Công an xã Định Sơn huyện Cẩm Giàng	2023	Số 15, 24/4/2023	10.711.884,000	9.047.040,000	582.145,40	0,00	582.145,40	582.145,40			
5	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Định Sơn	2024	Số 63/QĐ-UBND, 25/11/2024	496.641,000	-	450.000,00	0,00	450.000,00	450.000,00			
6	Công trình Cải tạo, nâng cấp cổng tường rào và sơn lại nhà lớp học 3 tầng 21 phòng trường Tiểu học Cẩm Hoàng	2023-2023	Số 68/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	894.000,000	400.000,000	400.000,00	0,00	400.000,00	400.000,00			
7	Cải tạo bếp ăn khu điểm trường mầm non Định Sơn	2023'	số 84, 29/9/2023	953.899,000	741.798,000	210.000,00	0,00	210.000,00	210.000,00			
8	Cải tạo sân trường khu trung tâm trường mầm non Định Sơn	2023'	số 117, 1/12/2023	901.352,000	758.202,000	143.000,00	0,00	143.000,00	143.000,00			
9	Đường giao thông nội đồng xã Định Sơn (Tuyến Ông Trịnh - Bà Vân)	2023'	Số 58/QĐ-UBND	994.856,000	850.000,000	67.000,00	0,00	67.000,00	67.000,00			
10	Cổng tường rào mái sân khấu trường tiểu học Cẩm Định	2019	Số 03, 12/01/2021	928.173,000	901.245,000	21.816,00	0,00	21.816,00		21.816,00		
11	Các hạng mục phụ trợ THCS Cẩm Sơn (mở rộng trường THCS Cẩm Sơn)	2018-2019	Số 61a, 30/10/2018	522.533,000	424.895,000	63.895,00	0,00	63.895,00		63.895,00		
12	Cải tạo nâng cấp NTLS xã Cẩm Sơn	2018-2019	số 61, 21/11/2019	4.090.619,000	3.953.969,000	108.989,00	0,00	108.989,00		108.989,00		
13	CT: Nhà làm việc 3T Đảng ủy-HĐND-UBND TT Cẩm Giang	T1/2023 - T4/2024	Số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2023, Điều chỉnh số 47/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	14.514.944,891	13.620.776,409	442.000,00	297.107,00	739.107,00		468.292,50	270.814,50	
14	CT: Cải tạo nâng cấp đường GT Khu La A: Đoạn từ đường 196 đến ngã ba khu la A	T10/2024-T1/2025	QĐ phê duyệt QT số 56/QĐ-UBND ngày 20/06/2025	4.402.954,000	4.088.861,150	304.946,00	0,00	304.946,00		304.946,00		
15	CT: Cải tạo NLH, phòng bộ môn trường tiểu học Thạch Lỗi	T7/2022-T10/2022	QĐ số 100a/QĐ-UBND ngày 05/7/2022	866.791,000	750.000,000	116.791,00	-11.036,00	105.755,00		105.755,00		
16	CT: Đường GTnội đồng từ Bãi vỡ đến đồng mực xã Thạch Lỗi	T11/2022-T01/2023	QĐ số 137b/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	988.302,000	829.763,000	158.539,00	-79.430,00	79.109,00		79.109,00		
17	CT: Cải tạo nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ sân vận động trung tâm xã thạch Lỗi	T8/2023-T11/2023	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 03/08/2023	978.032,000	797.124,000	180.908,00	-167.114,00	13.794,00		13.794,00		
18	Công trình cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Cẩm Hoàng (GĐ2: Đoạn từ sau tiểu học đến Cầu Giàng Giàng và đoạn từ ngã tư Kim Đôi đến đường 194C)	2024-2025	84/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	7.202.000,000	2.000.000,000	5.000.000,00	0,00	5.000.000,00	5.000.000,00			
19	Mở rộng đường trục xã từ đường 394C đến Cổng Quán thôn thạch Lỗi (Giai đoạn 2)	2024-2025	84b/QĐ-UBND ngày 10/06/2024	14.137.042,000	8.784.560,125	4.000.000,00	902.355,10	4.902.355,10	4.217.854,60	684.500,50		
20	Nhà đa năng trường tiểu học Định Sơn	2023-2025	Số 45, 29/6/2023	8.958.609,000	4.067.555,000	2.500.000,00	0,00	2.500.000,00	2.500.000,00			
21	NLH chức năng 3 tầng và công trình phụ trợ THCS Cẩm Định	2015-2016	số 2690, 3/8/2018	4.449.879,000	4.399.040,000		7.624,00	7.624,00		7.624,00		
22	Đường GTNĐ tuyến ông Chiểu - Cầu Rồng	2020	Số 75, 15/9/2023	1.125.599,000	1.013.200,000		107.262,00	107.262,00		107.262,00		
23	CT: Xây mới kênh tưới từ trạm bơm đồng vang đến đồng xá và từ trạm bơm đồng vang đến ao cá ô tầm xóm đông trong xã Thạch Lỗi	T10/2023-T12/2023	Số 28, 23/04/2025	736.338,000	699.000,000		34.017,00	34.017,00		34.017,00		
24	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, nghĩa trang liệt sỹ, khu văn chỉ, bể bơi thị trấn Cẩm Giang	2020	QĐ điều chỉnh DA số 1141/QĐ-UBND ngày 23/7/2026	45.637.915,000	33.960.911,000		6.560.000,00	6.560.000,00		6.560.000,00		

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch nguồn năm 2026 đã phê duyệt theo NQ 21/NQ-HĐND	Tăng, giảm	Kế hoạch đầu tư công 2026 sau điều chỉnh				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Ngân sách cấp trên BSMT cho xã	Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết trong năm	Nguồn chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	
II	**Danh mục các dự án xây dựng mới năm 2026**			**45.372.342,0**	**-**	**19.459.831,1**	**(1.090.785,1)**	**18.369.046,0**	**12.369.046,0**	**6.000.000,0**	**-**	**-**
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ: điểm trường THCS Định Sơn đến đường 394C và đoạn từ điểm trường THCS Định Sơn đến nghĩa trang liệt sỹ Định Sơn xã Cẩm Giang (tại thôn 3)	2026-2027	QĐ: 151/QĐ-UBND ngày 31/01/2026	11.422.101,000		4.500.000,00	0,00	4.500.000,00		4.500.000,00		
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 394C đến sân thể thao xóm Đình Giác, thôn Thạch Lỗi, xã Cẩm Giang, TP Hải Phòng	2026-2027	QĐ: 157/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	8.742.731,000		3.500.000,00		3.500.000,00	3.500.000,00			
3	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Ngọc Lâu, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng (Đoạn từ đường 394C tới chùa Ngọc Lâu)	2026-2027	QĐ: 153/QĐ-UBND ngày 02/02/2026	11.811.297,000		4.669.046,00	0,00	4.669.046,00	3.169.046,00	1.500.000,00		
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Thạch Lam đoạn từ đường ĐH19 đến đường 394C, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng	2026-2027	QĐ: 127/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	3.205.826,000		2.000.000,00		2.000.000,00	2.000.000,00			
5	Nhà đa năng THCS Cẩm Hoàng	2026-2027	QĐ: 161/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	6.400.000,000		2.300.000,00	0,00	2.300.000,00	2.300.000,00			
6	Xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ Cẩm Giang, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng	2026-2027	QĐ: 1027/QĐ-UBND ngày 04/020/6/2026	3.790.387,000		2.490.785,10	-1.090.785,10	1.400.000,00	1.400.000,00			